VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

VĂN BẢN HỢP NHẤT - BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Văn bản hợp nhất số 23/VBHN-BNNPTNT ngày 30 tháng 12 năm 2022 hợp nhất Thông tư quy định về trang phục, biểu trưng, cờ hiệu, cờ truyền thống, thẻ kiểm ngư và màu sơn tàu, xuồng kiểm ngư

(Tiếp theo Công báo số 111 + 112)

PHỤ LỤC II

MẪU THIẾT KẾ, QUY CÁCH QUẦN, ÁO VÀ JUÝP NỮ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 20/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

3. Mẫu biển tên, phù hiệu ve áo, phù điêu Kiểm ngư

PHÙ HIỆU VE ÁO

PHÙ ĐIÊU KIỂM NGƯ

4. Mẫu cấp hiệu kiểm ngư

a) Các cấp hiệu chức danh lãnh đạo

Cục trưởng

Phó Cục trưởng

Cấp trưởng các đơn vị thuộc Cục, Chi đội trưởng Chi đội Kiểm ngư và cấp trưởng cơ quan kiểm ngư tỉnh

Phó Trưởng phòng thuộc Cục, Phó Chi cục trưởng Chi cục Kiểm ngư Vùng, Phó Chi đội trưởng Chi đội Kiểm ngư, Phó giám đốc trung tâm thuộc cục và cấp phó cơ quan kiểm ngư cấp tỉnh

Trưởng phòng thuộc Chi cục Kiểm ngư Vùng, Trưởng phòng của Trung tâm thuộc cục, Trạm trưởng Trạm kiểm ngư, Đội trưởng Đội tàu

Phó Trưởng phòng thuộc Chi cục Kiểm ngư Vùng, Phó trưởng phòng của Trung tâm thuộc cục, Trạm trưởng Trạm Kiểm ngư, Phó Đội trưởng Đội tàu

b) Cấp hiệu đối với ngạch công chức kiểm ngư

Kiểm ngư viên chính

Kiểm ngư viên

Kiểm ngư viên trung cấp

c) Cấp hiệu thuyền viên tàu kiểm ngư

Thuyền trưởng

Thuyền phó, máy trưởng

Máy phó, thủy thủ trưởng, điện trưởng

Thủy thủ; thợ máy; thợ điện; thông tin liên lạc; y tế tàu kiểm ngư

Lao động hợp đồng (khác); cấp dưỡng tàu kiểm ngư

d) Cấp hiệu đối với ngạch công chức chuyên ngành hành chính

Chuyên viên trở lên trong các cơ quan kiểm ngư

Cán sự và tương đương

Lái xe

Nhân viên phục vụ

c) Cấp hiệu đối với viên chức trong cơ quan kiểm ngư

Viên chức thuộc cơ quan kiểm ngư và tương đương

5. Mẫu Kiểm ngư hiệu

6. Mẫu thiết kế mũ kiểm ngư

Mũ kê pi

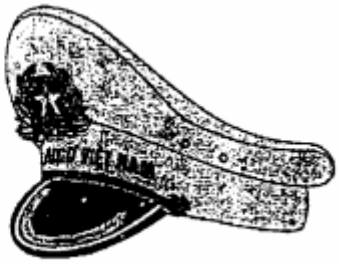

Mũ lễ phục

Mũ mềm nam

Mũ mềm nữ

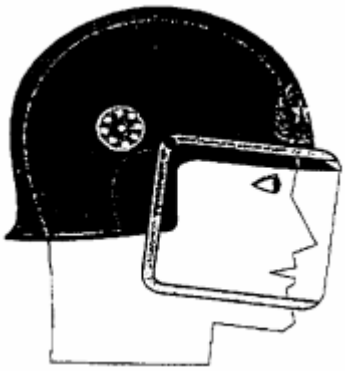

Mũ chống va đập

7. Mẫu thiết kế các trang bị khác

Cặp công tác

Caravat

Dây lưng

Giầy da nữ

Giầy da nam

Bít tất

Quần, áo bảo hộ lao động

Áo phao cá nhân

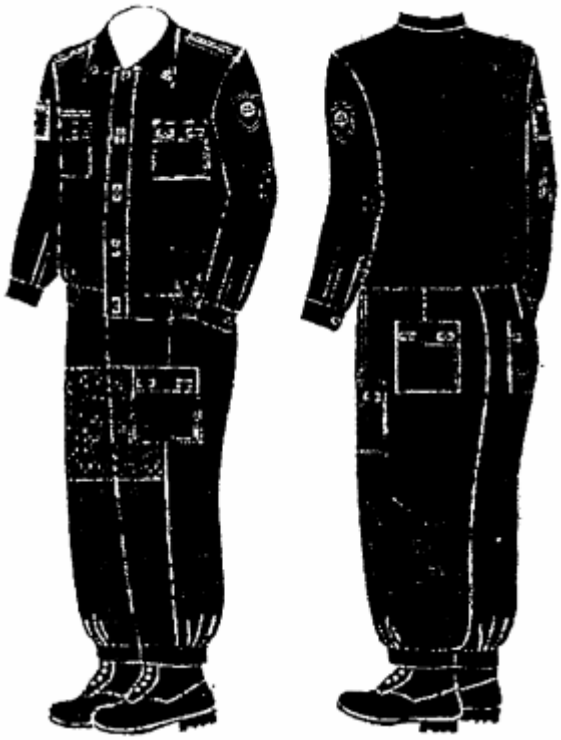

Quần, áo công tác trên tàu

Bộ quần, áo mưa

Vali kéo

PHỤ LỤC III

TRANG PHỤC TIÊU CHUẨN VÀ NIÊN HẠN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 20/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

1. Trang phục thường dùng và trang cấp

TT	Tên trang phục	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn	Niên hạn	Ghi chú
1	Quần, áo (đông/hè)	Bộ	1	1	
2	Lễ phục đông	Bộ	1	5	
3	Lễ phục hè	Bộ	1	5	
4	Áo giao mùa	Cái	1	2	
5	Áo ấm mùa đông	Cái	1	2	
6	Juyp nữ	Cái	1	1	
7	Quần, áo lót ngắn tay	Bộ	2	1	Trả bằng tiền mặt
8	Áo lót dài tay	Cái	1	1	
9	Mũ kê pi	Cái	1	3	
10	Mũ mềm	Cái	1	3	
11	Mũ chống va đập	Cái	1	3	
12	Mũ lễ phục	Cái	1	5	
13	Kiểm ngư hiệu	Cái	2	3	- Đường kính 36 mm cho mũ Kêpi - Đường kính 28 mm cho mũ mềm
14	Cấp hiệu	Đôi	1	2	
15	Biển tên	Cái	2	3	
16	Phù hiệu ve áo	Đôi	2	1	
17	Quần, áo mưa	Bộ	1	2	
18	Caravat	Cái	1	2	

TT	Tên trang phục	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn	Niên hạn	Ghi chú
19	Dây lưng	Cái	1	2	
20	Giầy da	Đôi	1	1	
21	Dép rọ	Đôi	2	1	
22	Bít tất	Đôi	3	1	
23	Cặp công tác	Cái	1	3	
24	Sổ công tác	Cái	1	1	
25	Va ly kéo	Cái	1	4	

Ghi chú:

- Một bộ trang phục mùa đông gồm: 01 quần, 01 áo mùa đông và 01 áo sơ mi dài tay;

- Một bộ trang phục mùa hè gồm: 02 quần, 01 áo sơ mi ngắn tay hoặc 01 quần và 02 áo sơ mi ngắn tay.

- Trang cấp lần đầu gồm: 02 bộ trang phục mùa đông, 02 bộ trang phục mùa hè, 02 áo giao mùa, 01 bộ lễ phục mùa đông, 01 bộ lễ phục mùa hè và đồng bộ các loại trang bị khác theo quy định.

- Đối với lực lượng Kiểm ngư có trụ sở tại các tỉnh, thành phố phía Nam tùy theo điều kiện cụ thể có thể xem xét, chuyển đổi trang phục mùa đông thành trang phục mùa hè cho phù hợp với điều kiện thời tiết.

2. Trang phục tăng thêm đối với lực lượng thường xuyên hoạt động trên tàu Kiểm ngư và đối tượng làm việc trên bờ tại các Chi cục Kiểm ngư Vùng, Trạm Kiểm ngư, cơ Kiểm ngư tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương, Chi đội Kiểm ngư

TT	Tên trang phục	Đơn vị Tính	Tiêu chuẩn	Niên hạn	Ghi chú
1	Quần, áo công tác trên tàu	Bộ	1	1	
2	Giầy công tác trên tàu	Đôi	1	1	
3	Chăn cá nhân	Cái	1	3	

TT	Tên trang phục	Đơn vị Tính	Tiêu chuẩn	Niên hạn	Ghi chú
4	Màn tuyn cá nhân	Cái	1	3	
5	Khăn mặt	Cái	4	1	
6	Chiếu cá nhân	Cái	1	1	
7	Gối cá nhân	Cái	1	2	
8	Ga trải giường	Cái	1	2	
9	Găng tay vải	Đôi	4	1	Không áp dụng với đối tượng làm việc trên bờ tại các Trạm Kiểm ngư và Chi đội Kiểm ngư
10	Quần, áo bảo hộ lao động	Bộ	1	1	
11	Khẩu trang	Cái	4	1	
12	Cờ hiệu dùng cho tàu	Cái	04		02 cái/chuyến biển

PHỤ LỤC IV

MÀU SƠN, DẤU HIỆU NHẬN BIẾT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 20/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

1. Màu sơn, dấu hiệu nhận biết tàu Kiểm ngư[7]

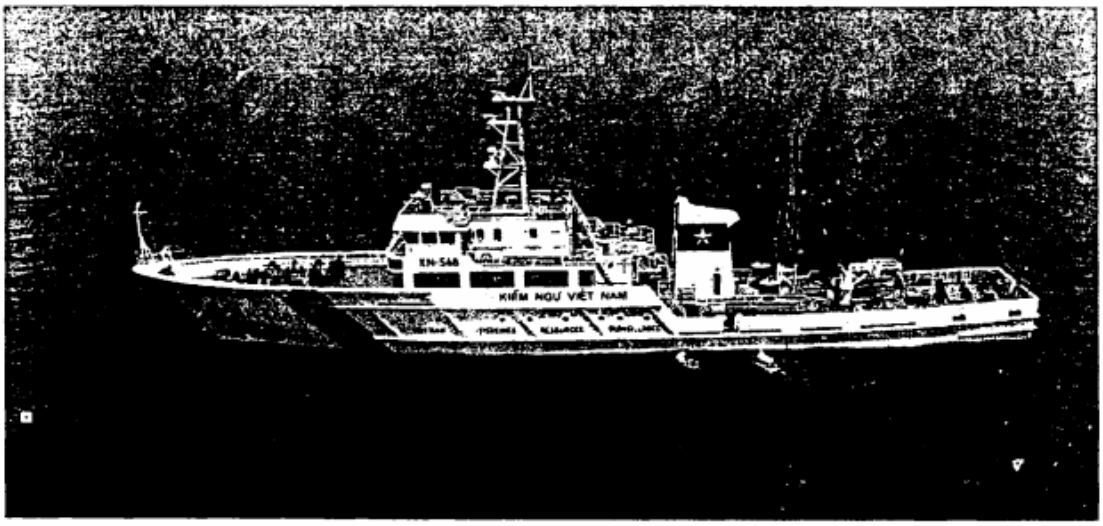

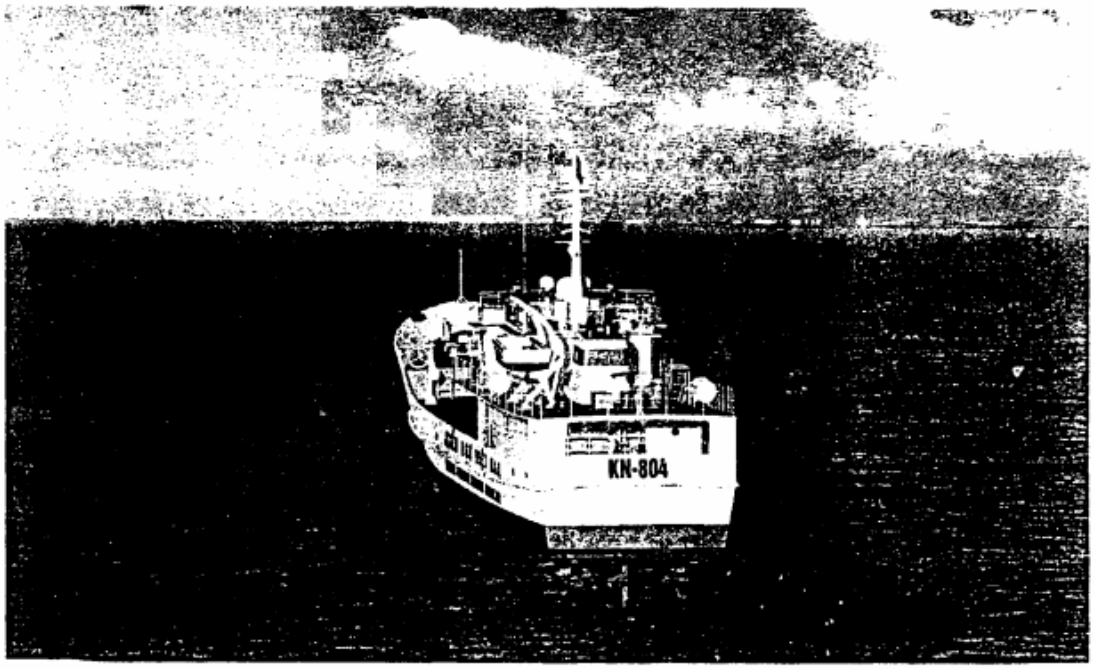

[7] Cụm từ "VIET NAM FISHERIES RESOURCES SURVEILLANCE" ghi trên hình ảnh tàu, xuồng kiểm ngư được thay thế bằng cụm từ "VIET NAM FISHERIES SURVEILLANCE" theo quy định tại khoản 4 Điều 2 của Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực thủy sản, có hiệu lực thi hành từ ngày 04 tháng 3 năm 2022.

2. Màu sơn, dấu hiệu nhận biết Xuồng công tác trang bị theo tàu

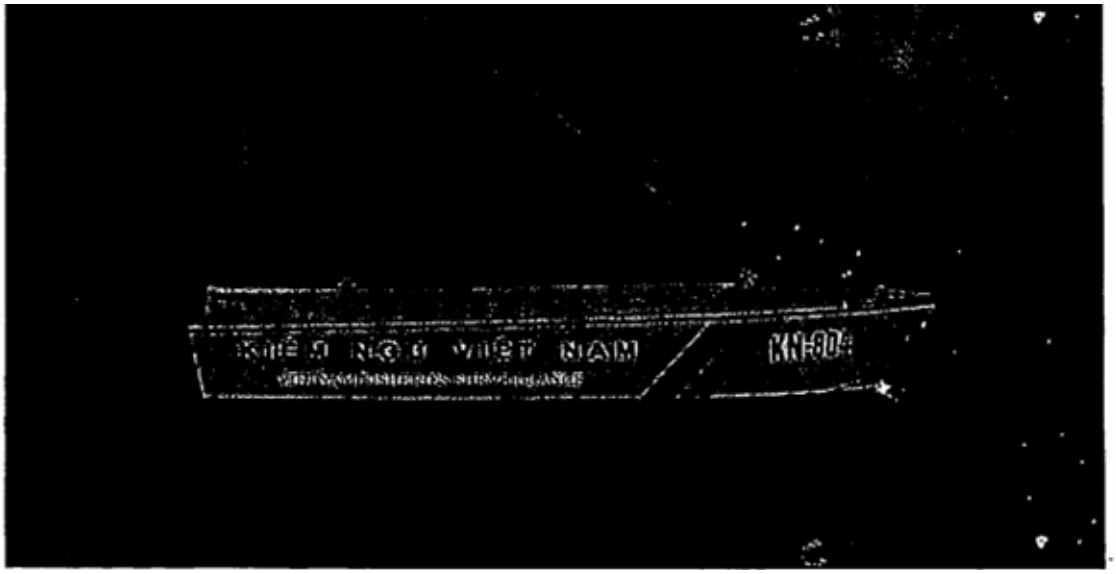

3. Màu sơn, dấu hiệu nhận biết Xuồng công tác độc lập

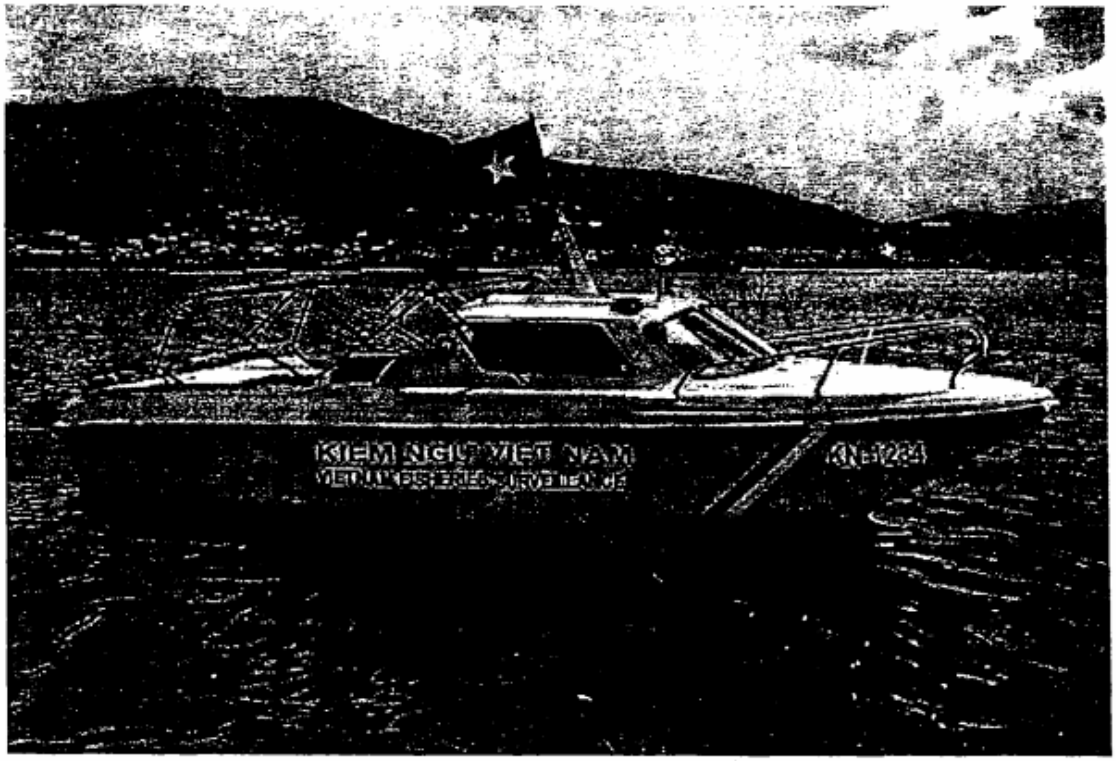

PHỤ LỤC V

KÝ HIỆU DÙNG ĐÁNH SỐ THẺ KIỂM NGƯ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 20/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Ký hiệu	Tên cơ quan Kiểm ngư	Ký hiệu	Tên cơ quan Kiểm ngư
KN	Cục Kiểm ngư	KN-ĐN	Kiểm ngư TP. Đà Nẵng
KN-V1	Chi cục Kiểm ngư Vùng I	KN-QNa	Kiểm ngư tỉnh Quảng Nam
KN-V2	Chi cục Kiểm ngư Vùng II	KN-QNg	Kiểm ngư tỉnh Quảng Ngãi
KN-V3	Chi cục Kiểm ngư Vùng III	KN-BĐ	Kiểm ngư tỉnh Bình Định
KN-V4	Chi cục Kiểm ngư Vùng IV	KN-PY	Kiểm ngư tỉnh Phú Yên
KN-V5	Chi cục Kiểm ngư Vùng V	KN-KH	Kiểm ngư tỉnh Khánh Hòa
KN-QN	Kiểm ngư tỉnh Quảng Ninh	KN-NT	Kiểm ngư tỉnh Ninh Thuận
KN-HP	Kiểm ngư TP. Hải Phòng	KN-BTh	Kiểm ngư tỉnh Bình Thuận
KN-TB	Kiểm ngư tỉnh Thái Bình	KN-BV	Kiểm ngư tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
KN-NĐ	Kiểm ngư tỉnh Nam Định	KN-TP	Kiểm ngư TP. Hồ Chí Minh
KN-NB	Kiểm ngư tỉnh Ninh Bình	KN-TG	Kiểm ngư tỉnh Tiền Giang
KN-TH	Kiểm ngư tỉnh Thanh Hóa	KN-BT	Kiểm ngư tỉnh Bến Tre
KN-NA	Kiểm ngư tỉnh Nghệ An	KN-TV	Kiểm ngư tỉnh Trà Vinh
KN-HT	Kiểm ngư tỉnh Hà Tĩnh	KN-ST	Kiểm ngư tỉnh Sóc Trăng
KN-QB	Kiểm ngư tỉnh Quảng Bình	KN-BL	Kiểm ngư tỉnh Bạc Liêu
KN-QT	Kiểm ngư tỉnh Quảng Trị	KN-CM	Kiểm ngư tỉnh Cà Mau
KN-TTh	Kiểm ngư tỉnh Thừa Thiên Huế	KN-KG	Kiểm ngư tỉnh Kiên Giang

Phụ lục VI[8]

BIỂU MẪU VỀ BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ, CẤP THẺ KIỂM NGƯ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Mẫu số 01. Danh sách đề nghị cấp mới thẻ kiểm ngư.

Mẫu số 02. Danh sách đề nghị đổi thẻ kiểm ngư.

Mẫu số 03. Danh sách đề nghị cấp lại thẻ kiểm ngư.

Mẫu số 04. Chương trình khung bồi dưỡng nghiệp vụ Kiểm ngư.

Mẫu số 05. Mẫu Giấy chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ Kiểm ngư.

[8] Phụ lục này được thay thế theo quy định tại khoản 5, Điều 2 của Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực thủy sản, có hiệu lực thi hành từ ngày 04 tháng 3 năm 2022.

Mẫu số 01

CƠ QUAN CHỦ QUẢN.....
CƠ QUAN KIỂM NGƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ CẤP MỚI THẺ KIỂM NGƯ

(Kèm theo Công văn số: ngày tháng năm)

TT	Họ và Tên	Ngày sinh		Chức vụ	Đơn vị công tác	QĐ Bổ nhiệm ngạch: Số, ngày	Cơ quan bổ nhiệm	Mã ngạch Công chức	Ghi chú
		Nam	Nữ						
(01)	(02)	(03)	(04)	(05)	(06)	(07)	(08)	(09)	(10)
1									
2									
3									
4									
5									

..... ngày... tháng... năm.....
THỦ TRƯỞNG
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 02

CƠ QUAN CHỦ QUẢN.....
CƠ QUAN KIỂM NGƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ ĐỔI THẺ KIỂM NGƯ

(Kèm theo Công văn số: ngày tháng năm)

TT	Họ và tên	Ngày sinh		Chức vụ	Đơn vị công tác	QĐ Bổ nhiệm ngạch: Số, ngày	Số Thẻ KN cũ	Lý do đổi thẻ	Ghi chú
		Nam	Nữ						
(01)	(02)	(03)	(04)	(05)	(06)	(07)	(08)	(09)	(10)
1									
2									
3									
4									
5	Tổng cộng								

..... ngày... tháng... năm.....
THỦ TRƯỞNG
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 03

CƠ QUAN CHỦ QUẢN.....
CƠ QUAN KIỂM NGƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI THẺ KIỂM NGƯ

(Kèm theo Công văn số: ngày tháng năm)

TT	Họ và tên	Ngày sinh		Chức vụ	Đơn vị công tác	QĐ Bổ nhiệm ngạch: Số, ngày	Mã ngạch công chức	Số Thẻ KN cũ	Lý do mất Thẻ	Ghi chú
		Nam	Nữ							
(01)	(02)	(03)	(04)	(05)	(06)	(07)	(08)	(09)	(10)	(11)
1										
2										
3										
4										
5										

..... ngày... tháng... năm.....
THỦ TRƯỞNG
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 04

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG
BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ KIỂM NGƯ

TT	Tên chuyên đề	Thời gian (tiết)		Cộng
		Lý thuyết	Thực hành	
1	**Phần I. Kiến thức chung về chuyên môn nghiệp vụ Kiểm ngư**	**8**	**-**	**8**
1.1	Công ước Liên Hợp Quốc về Luật biển năm 1982; Các hiệp định, thỏa thuận Việt Nam đã ký kết với các nước trong khu vực hoặc có tham gia	4	-	4
1.2	Luật Biển Việt Nam; Luật Hàng hải; Luật Thủy sản và các văn bản hướng dẫn thi hành	4	-	4
2	**Phần II. Chuyên môn nghiệp vụ về khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản**	**8**		**8**
2.1	Khái quát về bảo vệ nguồn lợi thủy sản *(nguồn lợi, bảo tồn, các loài nguy cấp quý hiếm, vùng cấm khai thác...)*	4	-	4
2.2	Khái quát về khai thác thủy sản *(lao động nghề cá, ngư trường, mùa vụ khai thác, tàu cá, cơ cấu nghề, các quy định về IUU...)*	4	-	4
3	**Phần III. Xử lý vi phạm hành chính**	**8**	**12**	**20**
3.1	Luật Xử lý vi phạm hành chính; Nghị định xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản và các văn bản liên quan	8	-	8
3.2	Quy trình xử lý vi phạm pháp luật thủy sản trên biển; Kỹ năng xử lý các tình huống trên biển	-	8	8
3.3	Nhận dạng tàu cá và các hành vi vi phạm pháp luật thủy sản trên biển; Nhận biết thiết bị giám sát tàu cá	-	4	4
4	**Phần IV. Đánh giá cuối khóa**	**4**	**-**	**4**
4.1	Viết báo cáo thu hoạch	3		3
4.2	Kiểm tra	1		1
Tổng cộng				**40**

Ghi chú: Thời gian chương trình bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ kiểm ngư cả lý thuyết và thực hành theo chuyên môn phải đủ 40 tiết.

Mẫu số 05

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN
BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ KIỂM NGƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ KIỂM NGƯ

CƠ QUAN BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ KIỂM NGƯ.....

CHỨNG NHẬN

Ông/bà:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số CMND/CCCD:.....

Đơn vị công tác:.....

Trình độ chuyên môn:.....

Hoàn thành khóa bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm ngư.

Từ ngày..... tháng..... năm..... đến ngày..... tháng... năm.....

Tại:.....

Xếp loại:.....

Số:...../CNBD

....., ngày..... tháng..... năm.....
CƠ QUAN BỒI DƯỠNG
(Ký tên và đóng dấu)